

Wang Y., Wu J., Lv M., Shao Z., Hungwe M., Wang J., Bai X., Xie J., Wang Y., Geng W., 2021. Metabolism characteristics of lactic acid bacteria and the expanding applications in food industry. *Frontiers in Bioengineering and Biotechnology*, 9: 612285.

Yuksekdag Z.N. & Aslim B., 2008. Influence of different carbon sources on exopolysaccharide production by

Lactobacillus delbrueckii subsp. *bulgaricus* (B3, G12) and *Streptococcus thermophilus* (W22). *Brazilian archives of Biology and Technology*, 51: 581-585.

Zhang Y.U., Li S., Zhang C., Luo Y., Zhang H., Yang Z., 2011. Growth and exopolysaccharide production by *Lactobacillus fermentum* F6 in skim milk. *African Journal of Biotechnology*, 10: 2080-2091.

Evaluation of growth conditions and exopolysaccharide (EPS) biosynthesis capacity of *Lactobacillus* strains

Le Van Hau, Nguyen Phuc Long, Trinh Van Co, Ngo Huynh Phuong Thao

Abstract

Lactobacillus belongs to the group of Lactic Acid Bacteria (LAB) with the ability to biosynthesize exopolysaccharides (EPS), a type of extracellular polysaccharide secreted into the culture medium. This study evaluated the conditions affecting the growth potential and EPS biosynthesis capacities of four *Lactobacillus* strains: *Lactobacillus plantarum*, *Lactobacillus acidophilus*, *Lactobacillus fermentum*, and *Lactobacillus salivarius* using the phenol-sulfuric acid method to quantify EPS extracted from fermentation broth. The results indicated that the optimal time for harvesting bacterial biomass was between 24 and 48 hours. The highest EPS yields were obtained when all four *Lactobacillus* strains were cultivated in liquid MRS medium under the same conditions (pH 6.0, temperature 28°C, and 24 hours), with EPS concentrations ranging from 829.14 to 1,032.28 µg/mL. Notably, *L. salivarius* produced a higher EPS yield at pH 5.0. The water solubility of EPS from all four strains ranged from 88.35% to 91.01%. These results demonstrate the potential applicability of *Lactobacillus* strains in EPS production for use in the food, pharmaceutical, and agricultural industries.

Keywords: Exopolysaccharide, *Lactobacillus*, phenol-sulfuric, lactic acid bacteria

Ngày nhận bài: 06/6/2025

Người phản biện: PGS.TS. Võ Thị Bích Thủy, TS. Phạm Bích Hiền

Ngày duyệt đăng: 14/7/2025

Ngày phản biện: 16/6/2025

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HÒA BÌNH

Phan Xuân Tân¹, Trần Anh Đức¹, Nguyễn Nam Giang^{2*}

TÓM TẮT

Phát triển hợp tác xã (HTX) nông nghiệp là một trong những giải pháp quan trọng nhằm tổ chức lại sản xuất và thúc đẩy kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều HTX nông nghiệp tại các địa phương vẫn hoạt động kém hiệu quả, quy mô nhỏ và lợi nhuận thấp. Nghiên cứu này phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của HTX nông nghiệp tại huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình, qua đó cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện chính sách hỗ trợ trong thời gian tới. Kết quả cho thấy, giai đoạn 2022 - 2024, hệ thống HTX nông nghiệp tại Mai Châu có sự gia tăng về số lượng, quy mô thành viên, lao động, vốn và doanh thu, tuy nhiên, hiệu quả kinh tế còn hạn chế; lợi nhuận bình quân, hiệu quả sử dụng tài sản và quy mô sản xuất vẫn ở mức thấp. Các yếu tố tác động chủ yếu bao gồm: năng lực quản lý còn yếu, trình độ thành viên không đồng đều, liên kết thị trường lỏng lẻo, khó khăn trong tiếp cận tín dụng và hiệu quả chính sách hỗ trợ chưa cao. Trong đó, trình độ cán bộ quản lý, mức độ gắn kết thành viên, quy mô sản xuất, liên kết chuỗi giá trị và vai trò hỗ trợ của Nhà nước được xác định là các nhân tố then chốt. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất cần triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao năng lực nội tại của HTX nông nghiệp và cải thiện môi trường hỗ trợ để thúc đẩy phát triển bền vững.

Từ khóa: Hợp tác xã nông nghiệp, yếu tố ảnh hưởng, phát triển

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các hợp tác xã nông nghiệp hiện nay được xem là giải pháp đột phá để phát triển nông nghiệp, làm thay đổi căn bản diện mạo nông thôn. Trong những năm qua HTX nông nghiệp Việt Nam đã có những tiến triển đáng

kể về số lượng và quy mô hoạt động. Theo thống kê sơ bộ, tổng số HTX tính đến năm 2023 cả nước có 30.698 HTX, trong đó 20.500 HTX nông nghiệp (chiếm 66,7%) và gần 10.200 HTX phi nông nghiệp (chiếm 33,3%). So với năm 2022, tổng số HTX tăng 1.261 HTX (tăng 4%)

¹ Học viện Nông nghiệp Việt Nam; ² Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

* Tác giả liên hệ, email: nng2010@gmail.com

(Tùng Linh, 2024). Đa số các HTX hoạt động mang tính thời vụ, chưa có phương án, kế hoạch phát triển dài hạn. Theo Kim Nhung (2024), số lượng HTX nông nghiệp có xu hướng tăng trong giai đoạn 2016 - 2022 nhưng số lượng thành viên lại có xu hướng giảm. Tuy nhiên, thực tế hoạt động cho thấy, các HTX còn gặp những khó khăn và hạn chế như chuyển đổi mô hình hoạt động, nhiều HTX nông nghiệp chuyển từ mô hình cũ sang mô hình mới hoạt động còn lúng túng. Các HTX nông nghiệp cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề như hoạt động kinh doanh chưa đa dạng, chậm đổi mới theo nhu cầu của thị trường; chất lượng sản phẩm, dịch vụ còn hạn chế, thiếu sức cạnh tranh trên thị trường, việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đổi mới về công nghệ, thiết bị chưa được các HTX quan tâm đầu tư, chưa năng động, sáng tạo, đổi mới theo cơ chế thị trường (Lê Thùy, 2024). Một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, các HTX nông nghiệp tại vùng núi, vùng cao của Việt Nam hiện nay bị ảnh hưởng bởi một số yếu tố nội tại và ngoại cảnh, bao gồm năng lực quản trị yếu kém, trình độ chuyên môn thấp (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2022; Liên minh HTX, 2023); Thiếu kinh nghiệm thị trường và kỹ năng quản lý, các tập quán sản xuất văn hóa, ngôn ngữ khiến áp dụng công nghệ và quy trình sản xuất mới khó khăn. Các nghiên cứu khác cũng chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng khác bao gồm thiếu vốn và khó khăn trong tiếp cận vốn, cơ sở hạ tầng kém phát triển, hạn chế trong xây dựng thương hiệu và liên kết bao tiêu cũng như các chính sách hỗ trợ của nhà nước cũng tác động không nhỏ tới hiệu quả hoạt động của các HTX vùng núi hiện nay (IPSARD, 2021; Nguyễn Thị Lan, 2020; Lê Đức Thịnh, 2019; Phạm Văn Hùng, 2022; Phạm Thị Thu Thủy, 2021).

Để HTX tiếp tục là một nhân tố quan trọng giúp duy trì và phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, việc phát triển HTX nông nghiệp là vấn đề quan trọng phải thực hiện. Tuy nhiên những nỗ lực phát triển HTX ở nhiều địa phương trong giai đoạn trước đây đã thất bại do một trong những nguyên nhân chính là do không xác định được chính xác các yếu tố ảnh hưởng để có các giải pháp phù hợp. Vì vậy việc nghiên cứu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới HTX nông nghiệp tại huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình, nơi có 34 HTX trong đó có 26 HTX nông nghiệp với tổng số lao động thường xuyên là 530 người, đóng vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp ở các địa phương là vấn đề cần thực hiện.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Đối tượng khảo sát: Cán bộ ở địa phương, Ban quản lý các HTX nông nghiệp, thành viên và người lao động tham gia HTX.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp chọn mẫu

Nghiên cứu được triển khai trên huyện Mai Châu (cũ), chọn 1 thị trấn và 15 xã với những điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau. Số lượng khảo sát 30 HTX nông nghiệp; 30 nông hộ là thành viên HTX.

2.2.2. Phương pháp thu thập thông tin

Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp: thu thập từ các nguồn đã công bố bao gồm các thông tin liên quan đến phát triển HTX nông nghiệp của huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình từ UBND huyện Mai Châu, liên minh HTX tỉnh Hòa Bình, các báo cáo đã được công bố của các HTX khảo sát.

Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp: thu thập trực tiếp bằng bảng hỏi.

Các thông tin thu thập gồm 4 phần: (i) Thông tin chung, bao gồm các thông tin chung về HTX chủ nhiệm, giới tính, lĩnh vực, thời gian hoạt động; (ii) Thông tin về hoạt động của HTX: Diện tích, quy mô, số lượng thành viên, trình độ của các thành viên HTX; sản phẩm dịch vụ mà HTX cung ứng; (iii) Đánh giá về các yếu tố có thể ảnh hưởng tới sự phát triển của các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Mai Châu hiện nay; (iv) Những vấn đề cần thiết mà HTX cần giải quyết cũng như cần hỗ trợ để tiếp tục phát triển bền vững.

2.2.3. Phương pháp phân tích

Phương pháp thống kê mô tả được dùng để hệ thống hoá tài liệu, phân tổ thống kê, tính các chỉ tiêu tổng hợp: số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân để đánh giá, phân tích các yếu tố, thực trạng và những yếu tố tác động đến phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Công cụ hỗ trợ cho xử lý và tổng hợp dữ liệu là máy tính và phần mềm Excel.

Phương pháp phân tích so sánh: Trên cơ sở các chỉ tiêu thống kê mô tả, so sánh các nhóm chỉ tiêu về quy mô, về cơ cấu, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của HTX nông nghiệp theo mốc thời gian và không gian, từ đó xây dựng bối cảnh cụ thể phục vụ thiết kế các giải pháp phù hợp.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 03 đến tháng 07 năm 2025 tại huyện Mai Châu (cũ) có 1 thị trấn và 15 xã, hiện nay sau sắp xếp đổi mới hệ thống chính quyền hai cấp là 05 xã gồm Mai Châu, Bao La, Mai Hạ, Pà Cò, Tân Mai.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

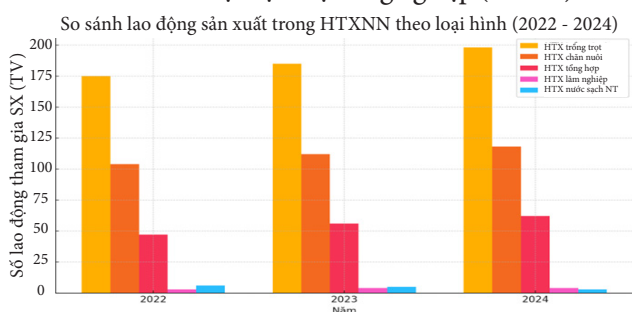
3.1. Khái quát về sự phát triển của các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Mai Châu, Hòa Bình

3.1.1. Sự phát triển về số lượng HTX và thành viên HTX

Trong giai đoạn 2022 - 2024, sự gia tăng cả về số lượng và quy mô hoạt động của hệ thống HTX nông nghiệp tại huyện Mai Châu cho thấy xu hướng phát triển tích cực, việc thành lập thêm các HTX mới cho thấy mô hình này ngày càng khẳng định vai trò trong tổ chức lại sản xuất, liên kết tiêu thụ và thúc đẩy kinh tế nông nghiệp địa phương.

Cơ cấu hoạt động của các HTX tiếp tục tập trung chủ yếu vào lĩnh vực trồng trọt, phản ánh thế mạnh sản xuất đặc trưng của huyện. Tuy nhiên, sự mở rộng của các HTX tổng hợp cho thấy xu hướng đa dạng hóa ngành nghề và định hướng phát triển theo chuỗi giá trị, phù hợp với yêu cầu thị trường và điều kiện canh tác nhỏ lẻ.

Bên cạnh đó, lực lượng lao động trong các HTX nông nghiệp tăng đều qua các năm, cho thấy sức hút ngày càng lớn của mô hình HTX đối với lao động nông thôn. Xu hướng này phản ánh sự mở rộng sản xuất - kinh doanh và khả năng tạo việc làm của khu vực kinh tế hợp tác. Tuy nhiên, sự chênh lệch về lao động giữa các loại hình cho thấy quá trình phát triển vẫn chưa đồng đều, cần có chính sách khuyến khích mạnh hơn đối với các lĩnh vực còn yếu như chăn nuôi hoặc dịch vụ nông nghiệp (Hình 1).



Hình 1. So sánh lực lượng lao động trong HTX nông nghiệp theo loại hình

3.1.2. Sự phát triển về quy mô, nguồn vốn và các sản phẩm, dịch vụ cung ứng của HTX

Thực tế cho thấy, mặc dù số lượng HTX nông nghiệp ở Mai Châu có xu hướng tăng, song phần lớn vẫn hoạt động ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ, phản ánh sự hạn chế trong năng lực tích tụ nguồn lực và mở rộng sản xuất. Việc một số HTX bắt đầu tăng vốn và mở rộng quy mô sản xuất - kinh doanh là tín hiệu tích cực, cho thấy nhận thức và năng lực quản trị của các HTX đã dần được cải thiện. Tuy nhiên, sự gia tăng này vẫn mang tính cục bộ, chưa tạo được bước đột phá mạnh mẽ trong toàn hệ thống.

Bảng 1. Trình độ cán bộ quản lý HTX trên địa bàn huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2022 - 2024

Tiêu chí cán bộ	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		So sánh		BQ
	Số lượng (CB)	Cơ cấu (%)	Số lượng (CB)	Cơ cấu (%)	Số lượng (CB)	Cơ cấu (%)	2023/2022	2024/2023	
Cán bộ quản lý	125	100	148	100	153	100	118,40	103,38	110,89
Trình độ sơ cấp, trung cấp	95	76,00	95	64,19	99	64,71	100,00	104,21	102,11
Trình độ cao đẳng, đại học	28	22,40	47	31,76	48	31,37	167,86	102,13	134,99
Chưa qua đào tạo	2	1,60	6	4,05	6	3,92	300,00	100,00	200,00

Nguồn: Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện Mai Châu.

Về nguồn vốn, các HTX đều có xu hướng tăng, đặc biệt ở lĩnh vực chăn nuôi - nơi vốn đầu tư cho hạ tầng và con giống được đẩy mạnh. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển ở những ngành hàng có khả năng mở rộng quy mô và mang lại giá trị kinh tế cao. Tuy vậy, hiệu quả sử dụng vốn và tài sản vẫn chưa tương xứng với mức tăng trưởng về quy mô. Việc lợi nhuận bình quân trên HTX và trên tài sản còn thấp phản ánh rõ hạn chế trong năng lực quản lý, điều hành và hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

Sản phẩm và dịch vụ của HTX nông nghiệp có xu hướng đa dạng hóa, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường địa phương. Một số mô hình hỗ trợ sản xuất đã mang lại kết quả tích cực, tuy nhiên, các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP và có hợp đồng tiêu thụ vẫn chiếm tỷ lệ rất thấp. Hạn chế lớn nhất hiện nay là năng lực đầu tư chiều sâu và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất còn yếu, việc cơ giới hóa, đầu tư hạ tầng, kho bãi, bảo quản và phương tiện vận chuyển vẫn chưa được quan tâm đúng mức, khiến năng suất và giá trị sản phẩm chưa được tối ưu.

Nhìn chung, hệ thống HTX nông nghiệp Mai Châu đang phát triển theo hướng mở rộng quy mô và đa dạng hóa hoạt động, song hiệu quả kinh tế, năng lực cạnh tranh và tính liên kết thị trường vẫn là những điểm nghẽn chính cần được ưu tiên khắc phục trong giai đoạn tới.

3.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển của các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Mai Châu, Hòa Bình

3.2.1. Ảnh hưởng từ trình độ cán bộ quản lý tới phát triển HTX nông nghiệp

Một trong những điểm nghẽn lớn trong hoạt động của các HTX nông nghiệp tại Mai Châu chính là bộ máy tổ chức còn thiếu và yếu. Hầu hết các HTX hiện nay được điều hành bởi một nhóm nhỏ các thành viên kiêm nhiệm, phần lớn không có chuyên môn quản lý kinh tế hợp tác, chưa được đào tạo bài bản về tài chính, kỹ thuật hay thị trường. Kết quả tại bảng 1 cho thấy, trình độ của người quản lý HTX chủ yếu vẫn ở mức sơ cấp, trung cấp và ít thay đổi, duy trì ở mức trên 64% trong cả ba năm, tuy nhiên, tỷ trọng này có xu hướng giảm 11,29 điểm % giai đoạn 2022 - 2024. Đáng chú ý, trình độ cao đẳng và đại học tăng đáng kể, trung bình lên tới ~34,99%/năm. Số cán bộ chưa qua đào tạo mặc dù tỷ trọng vẫn thấp (dưới 4%) nhưng vẫn cần có giải pháp đào tạo bổ sung, tránh để tồn tại lực lượng cán bộ yếu về chuyên môn trong hệ thống quản lý HTX trong dài hạn (Bảng 1).

Kết quả khảo sát thực tế về ảnh hưởng của trình độ cán bộ quản lý đến sự phát triển của HTX cho thấy, nhiều HTX thiếu chiến lược phát triển, không xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh khả thi, đặc biệt là các HTX mà người quản lý có trình độ thấp. Nhiều HTX không có khả năng đàm phán hợp đồng tiêu thụ với doanh nghiệp và dễ bị động trước biến động của thị trường. Ngoài ra, hầu hết đều gặp hạn chế trong việc quản lý tài chính, báo cáo thuế và sổ sách kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.2.2. Ảnh hưởng từ trình độ thành viên tới phát triển HTX nông nghiệp

Bảng 2. Trình độ học vấn của thành viên HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Mai Châu theo khảo sát

Trình độ học vấn	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)
Tiểu học	6	20,0
Trung học cơ sở	10	33,3
Trung học phổ thông	8	26,7
Trung cấp/Cao đẳng	4	13,3
Đại học trở lên	2	6,7
Tổng cộng	30	100

Nguồn: Khảo sát thực địa (2025).

Trình độ của các thành viên cũng là một yếu tố khác ảnh hưởng tới sự phát triển của các HTX hiện nay. Kết quả tổng hợp cho thấy, có tới 53,3% thành viên có trình độ từ THCS trở xuống, chỉ chưa đến 20% có trình độ trung cấp/cao đẳng trở lên, điều này ảnh hưởng tiêu cực tới khả năng tiếp cận thông tin, hiểu biết chính sách,

đồng thời ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất (Bảng 2).

Kết quả tổng hợp tại bảng 3 cho thấy ảnh hưởng của vấn đề này tới phát triển HTX chủ yếu là từ tư tưởng trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước của các thành viên, họ chưa phát huy hết trách nhiệm trong việc xây dựng, phát triển HTX, nhiều nông hộ khác vì vậy ít mặn mà tham gia làm thành viên mới. Điều này cản trở tính tự chủ và khả năng phát triển nội lực của HTX nông nghiệp. Nhiều HTX gặp hạn chế trong việc triển khai ứng dụng các kỹ thuật mới hoặc chuyển đổi cây trồng, chuyển đổi phương thức sản xuất như sản xuất an toàn, sản xuất theo tiêu chuẩn do các thành viên thiếu năng động, sáng tạo trong việc mở mang ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với cơ chế thị trường.

Bảng 3. Trình độ nhận thức về kinh tế HTX trên địa bàn huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình

Mức độ hiểu biết về mô hình HTX và các vấn đề để phát triển HTX	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)
Hiểu rõ vai trò, quyền lợi, nghĩa vụ	10	33,3%
Biết sơ lược nhưng chưa rõ bản chất	15	50%
Mơ hồ, không quan tâm	5	16,7%

Ghi chú: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2025.

3.2.3. Ảnh hưởng của khả năng tiếp cận thị trường của các HTX nông nghiệp

Khả năng tiếp cận thị trường và tiêu thụ sản phẩm là một trong những yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất tới sự phát triển của các HTX hiện nay.

Bảng 4. Kênh tiêu thụ của HTX nông nghiệp tại huyện Mai Châu, giai đoạn 2022 - 2024

Hình thức tiêu thụ sản phẩm	Năm 2022		Năm 2023		2024		BQC (%)
	Số lượng	Cơ cấu	Số lượng	Cơ cấu	Số lượng	Cơ cấu	
	(HTX)	(%)	(HTX)	(%)	(HTX)	(%)	
Tiêu thụ qua doanh nghiệp ký hợp đồng ổn định	6	23,08	7	24,14	8	26,67	115,48
Tiêu thụ qua thương lái nhỏ lẻ	13	50	14	48,28	14	46,67	103,85
Tự tiêu thụ tại chợ, bán lẻ địa phương	5	19,23	6	20,69	6	20	110
Kết hợp nhiều hình thức	2	7,69	2	6,9	2	6,67	100
Tổng cộng	26	100	29	100	30	100	107,493

Nguồn: Tổng hợp.

Việc tiếp cận thị trường thuận lợi xây dựng đầu ra ổn định không chỉ giúp nâng cao thu nhập cho xã viên mà còn tạo động lực đổi mới tổ chức sản xuất, cải tiến chất lượng sản phẩm và gia tăng khả năng cạnh tranh. Quá trình tiếp cận thị trường được xác định dựa trên tính đa dạng của các kênh tiêu thụ và hiệu quả tiêu thụ của các kênh này. Kết quả khảo sát cho thấy: các HTX nông nghiệp vẫn đang trong giai đoạn chuyển dịch từ hình thức tiêu thụ truyền thống sang các kênh thị trường ổn định hơn, tuy nhiên quá trình này còn chậm và chưa đồng đều. Kết quả tổng hợp tại bảng 4 cho thấy, tỷ lệ tiêu thụ qua thương lái, tiêu thụ nhỏ lẻ vẫn cao, tốc độ chuyển dịch từ các kênh tiêu thụ khác nhau qua tiêu thụ bằng hợp đồng ổn định diễn biến khá chậm, chỉ tăng 3,67 điểm % từ năm 2022 - 2024. Hình thức kết hợp

đa dạng nhiều phương thức tiêu thụ (ví dụ: vừa ký hợp đồng, vừa bán lẻ, vừa qua thương lái) chỉ có 2 HTX thực hiện trong 03 năm. Mặc dù mô hình kết hợp được đánh giá là linh hoạt và thích nghi tốt với biến động thị trường nhưng việc duy trì ở tỷ lệ thấp cho thấy các HTX còn thiếu khả năng điều phối sản phẩm và phân bổ hợp lý đầu ra, vấn đề này được các HTX đánh giá là có ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động hiện nay. Do vẫn phụ thuộc chủ yếu vào thương lái, giá sản phẩm của các HTX nông nghiệp thường không cao, lượng sản phẩm không ổn định. Lợi nhuận của các HTX trung bình tăng chậm, từ 1.795 triệu VNĐ năm 2022 lên 1.901 triệu VNĐ năm 2024. Thu nhập bình quân của thành viên HTX cũng vì vậy mà tăng chậm, trung bình 4,5 triệu/người/tháng năm 2022 và tăng lên 5,97 triệu/người/tháng năm 2024.

3.2.4. Ảnh hưởng từ chính sách Nhà nước tới phát triển HTX nông nghiệp

Các chính sách hỗ trợ và phát triển các HTX bao gồm các chính sách về hỗ trợ sản xuất, chính sách thử nghiệm kỹ thuật mới, quy trình canh tác mới có ảnh hưởng khá lớn tới sự phát triển các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện hiện nay. Kết quả nghiên cứu tổng hợp tại bảng 5

Bảng 5. Đánh giá của cán bộ quản lý về cơ chế chính sách

Nội dung	Rất tốt	Cơ cấu (%)	Tốt	Cơ cấu (%)	Bình thường	Cơ cấu (%)	Kém	Cơ cấu (%)
Phổ biến chính sách pháp luật	4	13,33	12	40,00	11	36,67	3	10,00
Tiếp cận nguồn tín dụng	2	6,67	8	26,67	13	43,33	7	23,33
Tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn	5	16,67	14	46,67	8	26,67	3	10,00
Chính sách đất đai	3	10,00	9	30,00	11	36,67	7	23,33
CT phát triển KTXH địa phương	6	20,00	15	50,00	6	20,00	3	10,00

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra (2025).

Việc tiếp cận chính sách khó khăn đến từ sự thiếu hụt thông tin và năng lực thực hiện thủ tục. Nhiều HTX không biết đến các chương trình đang triển khai hoặc không đủ khả năng hoàn thiện hồ sơ, kế hoạch kinh doanh theo yêu cầu. Việc tiếp cận các nguồn vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn do không có tài sản thế chấp, không có cơ quan, tổ chức đứng ra bảo lãnh. Thêm vào đó, cơ quan quản lý cấp huyện lại chưa có bộ phận chuyên trách hỗ trợ HTX làm hồ sơ dẫn đến việc lỡ cơ hội chính sách, dù có nhu cầu thực tế. Ngoài ra, quy định pháp lý liên quan đến HTX vẫn còn rườm rà, nhiều điều khoản chưa rõ ràng, gây khó khăn cho cả cán bộ và người dân trong việc thực thi. Hơn nữa, quá trình thực thi các chính sách còn hạn chế do cả yếu tố khách quan và chủ quan khiến các nội dung của chính sách không được triển khai đầy đủ, tạo ra một khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn - nơi những nông dân cần chính sách nhất lại là người khó tiếp cận chính sách nhất.

Kết quả khảo sát đánh giá chính sách hỗ trợ phát triển của các HTX tại bảng 6 cho thấy, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội địa phương nhìn chung được

cho thấy, chỉ khoảng 30% HTX nông nghiệp tại huyện Mai Châu tiếp cận được 09 nhóm chính sách hỗ trợ chính, trong đó phần lớn là các chính sách mang tính ngắn hạn như cấp giống, máy móc nhỏ lẻ hoặc tập huấn kỹ thuật. Các chính sách dài hạn như vay vốn ưu đãi, xúc tiến thương mại hoặc hỗ trợ xây dựng thương hiệu gần như chưa tiếp cận được.

đánh giá tích cực, thể hiện nỗ lực của chính quyền trong việc thúc đẩy khu vực kinh tế tập thể và tạo điều kiện thuận lợi cho HTX tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX cũng được ghi nhận có chuyển biến tốt, phản ánh sự quan tâm đến việc nâng cao năng lực quản trị - yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững của HTX.

Tuy nhiên, các chính sách về tín dụng và đất đai vẫn là những điểm nghẽn lớn, việc tiếp cận vốn ưu đãi còn hạn chế do thủ tục phức tạp và thiếu cơ chế tín dụng chuyên biệt. Tương tự, vấn đề mặt bằng sản xuất, quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng vẫn gặp nhiều khó khăn, cản trở quá trình mở rộng quy mô và đầu tư của HTX.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật dù đã được chú trọng nhưng hiệu quả chưa cao, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa - nơi cán bộ và thành viên HTX còn hạn chế trong tiếp cận thông tin. Điều này cho thấy cần có giải pháp đồng bộ, linh hoạt hơn trong triển khai và truyền thông chính sách nhằm nâng cao năng lực tiếp cận và thực thi cho khu vực kinh tế tập thể.

Bảng 6. Tình hình tiếp cận chính sách của thành viên HTX trên địa bàn huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình

Câu hỏi	Phương án trả lời	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1. Đã từng nghe đến chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp	Có	22	73,3%
	Không	8	26,7%
2. Kênh tiếp cận thông tin	Chính quyền xã	10	33,3%
	Truyền miệng	8	26,7%
	Tivi, báo	4	13,3%
	Mạng xã hội	3	10,0%
	Khác	5	16,7%
3. Mức độ hiểu chính sách	Hiểu rõ	4	13,3%
	Mơ hồ	15	50,0%
	Không hiểu	11	36,7%
4. Từng được tư vấn hoặc mời tham gia HTX nông nghiệp	Có	9	30,0%
	Không	21	70,0%
5. Đánh giá mức độ tiếp cận chính sách	Dễ	5	16,7%
	Khó	19	63,3%
	Không quan tâm	6	20,0%

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra (2025).

Kết quả điều tra cũng cho thấy mức độ hiểu biết về chính sách HTX nông nghiệp của người dân còn hạn chế: chỉ 73% thành viên từng nghe đến chính sách và chỉ 13,3% hiểu rõ nội dung. Chính quyền xã vẫn là kênh truyền thông chủ yếu, song 26,7% thông tin được lan truyền qua hình thức không chính thống, dễ dẫn đến hiểu sai. Khoảng 70% thành viên HTX chưa từng được tư vấn hoặc mời tham gia hoạt động liên quan đến chính sách, trong khi 63,3% cho rằng việc tiếp cận còn “khó” do thiếu thông tin, hạn chế nhận thức và rào cản ngôn ngữ.

Bên cạnh đó, huyện Mai Châu đã chú trọng công tác đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho thành viên HTX nhằm nâng cao năng lực sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và hiệu quả hoạt động với nội dung ngày càng đa dạng và phạm vi triển khai mở rộng. Tuy nhiên kết quả khảo sát tại bảng 7 cho thấy, chất lượng các chương trình tập huấn cho thành viên HTX và hiệu quả từ các lớp tập huấn hiện còn rất nhiều hạn chế. Phần lớn học viên đánh giá nội dung đào tạo khá phù hợp và giảng viên có chuyên môn, song vẫn còn một tỷ lệ đáng kể cho rằng bài giảng thiếu tính thực tiễn, giảng viên chưa có nhiều kinh nghiệm và truyền đạt chưa hiệu quả. Nhiều người tham gia chưa thấy sự cải thiện rõ rệt về tay nghề hay năng suất sau khi học. Ngoài ra, thời lượng các khóa tập huấn còn ngắn, thiếu phần thực hành và chưa đủ chuyên sâu, khiến việc ứng dụng kiến thức vào thực tế sản xuất còn hạn chế.

Bảng 7. Đánh giá của học viên về chất lượng chương trình đào tạo nghề tại huyện Mai Châu giai đoạn 2021 - 2024

Nội dung đánh giá	Số lượng (học viên)	Cơ cấu (%)
Chương trình sát thực tế, dễ áp dụng	1.510	65,44
Giảng viên nhiệt tình, chuyên môn tốt	1.680	72,84
Trang thiết bị, cơ sở vật chất tương đối đầy đủ	1.220	52,89
Có cải thiện tay nghề, tăng hiệu quả canh tác	1.445	62,64
Khóa học quá ngắn, chưa đủ thời gian thực hành	375	16,26
Mong muốn mở thêm các lớp nâng cao chuyên sâu	1.025	44,45
Không đánh giá/không phản hồi	122	5,29

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra (2025).

Bên cạnh các chính sách kể trên, một trong những chính sách quan trọng khác là các chính sách về liên kết chuỗi giá trị theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Mặc dù Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hòa Bình (nay là Phú Thọ) và huyện Mai Châu (nay là xã Mai Châu) đã có một số chính sách triển khai nghị định 98 để thúc đẩy sản xuất theo chuỗi của các HTX bao gồm xây dựng các tổ sản xuất, hỗ trợ in ấn tem nhãn, truy xuất nguồn gốc cũng như hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật cho phục vụ liên kết, sơ chế. Tuy nhiên thực tế cho thấy các chính sách này vẫn còn nhiều bất cập và chưa giúp các HTX chuyển đổi một cách tích cực. Nhìn chung các hoạt động hỗ trợ thương mại

như tem nhãn, truy xuất mới chỉ thực hiện được một số rất ít HTX, trong khi đó chương trình hỗ trợ không kéo dài do thiếu vốn dẫn đến không duy trì được các chuỗi sản xuất, không phát huy được vai trò của các nhãn hàng tập thể. Bên cạnh đó, do hầu hết các HTX đều có quy mô nhỏ, nguồn vốn thấp nên rất khó để triển khai chính sách hỗ trợ 30% vốn mua máy móc, trang thiết bị phục vụ sơ chế, bảo quản, do bản thân các HTX cũng không có nguồn lực để chi trả cho 70% còn lại. Ngoài ra các chính sách về đầu tư CSHT cho mở rộng liên kết sản xuất, tiêu thụ cũng gặp nhiều khó khăn trong thủ tục giải ngân, bố trí nguồn vốn tại chỗ do các hạn chế về ngân sách địa phương.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu về sự phát triển và các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển của các HTX nông nghiệp tại Mai Châu trong giai đoạn 2022 - 2024 cho thấy, số lượng HTX nông nghiệp tăng dần qua các năm; quy mô thành viên, nguồn vốn và sản phẩm dịch vụ đều có sự cải thiện.

Các yếu tố chính ảnh hưởng tới phát triển HTX nông nghiệp hiện nay bao gồm trình độ cán bộ, trình độ thành viên, chính sách nhà nước. Trình độ cán bộ và năng lực quản lý được xác định là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển của HTX. Nhiều HTX thiếu chiến lược dài hạn, hạn chế trong quản trị tài chính, đàm phán thị trường và xây dựng phương án sản xuất - kinh doanh khả thi. Tư duy trông chờ vào hỗ trợ Nhà nước vẫn phổ biến, làm giảm tính tự chủ và sáng tạo. Ngoài ra, rào cản về tiếp cận vốn tín dụng, đất đai và thủ tục hành chính phức tạp khiến nhiều HTX khó mở rộng sản xuất. Dù chính quyền địa phương đã quan tâm đào tạo, hỗ trợ, song hiệu quả các chương trình tập huấn còn thấp, thiếu thực hành và chưa sát với thực tế sản xuất. Các chương trình hỗ trợ theo NĐ 98 của Chính phủ về sản xuất theo chuỗi mặc dù đã có một số hoạt động triển khai nhưng kết quả từ các mô hình mang lại còn rất hạn chế.

Để phát triển bền vững, cần đồng bộ nhiều giải pháp: nâng cao năng lực quản lý và tư duy đổi mới cho cán bộ HTX; hoàn thiện cơ chế tín dụng, đất đai và chính sách hỗ trợ; cải thiện công tác truyền thông, tư vấn và hướng dẫn thực thi; đồng thời đổi mới nội dung đào tạo theo hướng thực hành và gắn với nhu cầu thị trường. Đây là nền tảng giúp HTX nông nghiệp Mai Châu phát huy hiệu quả và đóng góp tích cực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn**, 2022. Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Hợp tác xã 2012 và định hướng phát triển HTX nông nghiệp khu vực miền núi, vùng dân tộc thiểu số. Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển Nông thôn.
- Chính phủ**, 2023. Nghị định 113/2024/NĐ-CP, Quy định về tài sản và vốn hoạt động của hợp tác xã.

Phạm Văn Hùng & Nguyễn Thị Mai, 2022, Tác động của biến đổi khí hậu và hạ tầng đến hiệu quả sản xuất của HTX Nông nghiệp tại Tây Bắc. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 33: 55-65.

Nguyễn Thị Lan & Nguyễn Văn Linh, 2020. Giải pháp nâng cao năng lực quản trị và tiếp cận thị trường cho Hợp tác xã nông nghiệp vùng cao. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 1(18): 75-84.

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, 2023. Đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị và Chương trình OCOP (Tập trung khu vực phía Bắc).

Tùng Linh, 2024. *Phát huy hơn nữa vai trò của kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong nền kinh tế*. Địa chỉ: <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2024-2-2/Phat-huy-hon-nua-vai-tro-cua-kinh-te-hop-tac-hop-tac-hop-tndcp65.aspx> (Ngày truy cập 02/02/2024).

Kim Nhung, 2024. *Đôi nét về phát triển HTX nông nghiệp*, *Trung tâm Thông tin và KHCN, Sở KHCN TP. Hồ Chí Minh*.

Minh. Địa chỉ: <https://thongke.cesti.gov.vn/phan-tich-thong-ke/ket-qua-thong-ke/1256-doi-net-ve-phat-trien-hop-tac-xa-nong-nghiep> (Ngày truy cập 01/5/2025).

Lê Thùy, 2024. Đổi mới mô hình hoạt động hợp tác xã nông nghiệp ở miền núi phía Bắc. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển nông thôn*, số 02: 254-267.

Lê Đức Thịnh & Trần Văn Cường, 2019. *Phát triển kinh tế hợp tác gắn với xóa đói giảm nghèo bền vững tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

Phạm Thị Thu Thủy, 2021. *Nghiên cứu về rào cản tài chính và khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các HTX nông nghiệp vùng dân tộc thiểu số*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế.

UBND huyện Mai Châu, 2022-2024. Báo cáo kết quả hoạt động các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Mai Châu. Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Factors influencing agricultural cooperative development: A case study in Mai Chau district, Hoa Binh province, Vietnam

Phan Xuan Tan, Tran Anh Duc, Nguyen Nam Giang

Abstract

The development of agricultural cooperatives (ACs) is an important strategy to restructuring agricultural production and promoting rural economic development in Vietnam. However, many agricultural cooperatives at the local level still operate inefficiently, with small production scales and low profitability. This study examined the factors influencing the development of agricultural cooperatives in Mai Chau district, Hoa Binh province, and provided a scientific basis for policy improvement. The results indicated that during the 2022 - 2024 period, agricultural cooperatives increased in number, membership, labor force, capital, and revenue, but overall economic efficiency remained limited. Key constraints included weak managerial capacity, heterogeneous member skill levels, limited market linkages, difficulties in accessing credit, and the low effectiveness of support policies. Managerial competence, member cohesion, production scale, value chain integration, and government support were identified as the main determinants. The study proposed comprehensive solutions to enhance internal capacity and create a more supportive environment for sustainable cooperative development.

Keywords: Agricultural cooperatives, factors, development

Ngày nhận bài: 04/7/2025

Người phản biện: PGS.TS. Đào Thế Anh, TS. Phạm Công Nghiệp

Ngày duyệt đăng: 23/01/2026

Ngày phản biện: 24/9/2025

CẢI TIẾN KỸ THUẬT NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ HIỆU QUẢ MÔ HÌNH CANH TÁC LÚA TÔM Ở HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Dương Nhật Long¹, Võ Hoàng Liêm Đức Tâm^{1*}

TÓM TẮT

Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất và hiệu quả mô hình canh tác lúa tôm ở huyện An Biên tỉnh Kiên Giang được thực hiện từ tháng 12/2019 đến 12/2021 nhằm xây dựng, hoàn thiện quy trình kỹ thuật vận hành và quản lý mô hình, góp phần nâng cao lợi nhuận cho người dân. Kết quả khảo sát cho thấy, canh tác lúa-tôm là mô hình sản xuất truyền thống của nông dân huyện An Biên, tuy nhiên do thiếu kỹ thuật trong xây dựng, vận hành và quản lý mô hình nên hiệu quả chưa cao. Việc cải tiến kỹ thuật mô hình canh tác ghi nhận qua 3 mô hình: (1) Mô hình nuôi tôm sú (bổ sung cua 1 con/10 m²) vào mùa khô, luân canh với tôm càng xanh ở mùa mưa cho năng suất: tôm sú đạt 451,7 kg/ha, tôm càng xanh đạt bình quân 660 kg/ha. Lợi nhuận đạt từ mô hình là 140 triệu đồng/ha/năm; (2) Mô hình nuôi tôm sú (bổ sung cua 1 con/10 m²) vào mùa khô, luân canh với lúa-tôm càng xanh xen canh ở mùa mưa cho năng suất: tôm sú đạt 421,3 kg/ha và tôm càng xanh từ 148 đến 240 kg/ha cùng năng suất lúa đạt 6.863 kg/ha. Lợi nhuận từ mô hình đạt 109 triệu đồng/ha/năm; (3) Mô hình canh tác lúa-tôm đa dạng và phát triển bền vững cho năng suất: tôm sú đạt 456,7 kg/ha; tôm càng xanh đạt 232 kg/ha và năng suất lúa thu được 6.125 kg/ha. Lợi nhuận từ mô hình đạt 131,3 triệu đồng/ha/năm, tỷ suất lợi nhuận 327,6%.

Từ khóa: Lúa-tôm, lúa tôm luân và xen canh, tỷ lệ sống, năng suất

¹ Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

* Tác giả liên hệ, email: vhltdtam@ctu.edu.vn